

Số: 33 /QĐ-NSNT

Hải Phòng, ngày 09 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Điều chỉnh Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 của
Công ty CP Nước sạch và Vệ sinh nông thôn tỉnh Hải Dương

GIÁM ĐỐC CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH NÔNG THÔN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020, Luật sửa đổi Luật Doanh nghiệp năm 2025;

Căn cứ Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp 68/2025/QH15,

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Quy hoạch cấp nước và định hướng phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn 2045;

Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2025 và báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán;

Căn cứ văn bản số 3027/STC-ĐKKD&QI.DN ngày 08 tháng 4 năm 2026 về việc rà soát giao chỉ tiêu định hướng và chỉ đạo NĐDVNN tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công ty CP Nước sạch và Vệ sinh nông thôn tỉnh Hải Dương (Kế hoạch kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Ban Giám đốc Công ty CP Nước sạch và Vệ sinh nông thôn tỉnh Hải Dương tổ chức thực hiện Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 theo đúng quy định, đảm bảo hoàn thành kế hoạch.

2. Trưởng các phòng, ban, đơn vị sản xuất theo chức năng, nhiệm vụ thực hiện Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công ty; kịp thời tham mưu, xử

lý những vướng mắc, khó khăn trong quá trình thực hiện; đề xuất, kiến nghị lãnh đạo Công ty giải quyết theo quy định những vấn đề vượt thẩm quyền.

Điều 3. Giám đốc, các Phó Giám đốc và Trưởng các Chi nhánh, Trưởng các phòng, ban, đơn vị sản xuất căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định có hiệu lực thi hành từ ngày ký và thay thế quyết định số 03/QĐ-NSNT' ngày 08 tháng 01 năm 2026 của Giám đốc Công ty về việc ban hành Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công ty cổ phần nước sạch và vệ sinh nông thôn tỉnh Hải Dương./.

Nơi nhận:

- UBND TP;
- Sở Tài chính TP;
- Người đại diện VNN;
- HĐQT;
- Như điều 3;
- Lưu VT.



Vũ Công Cường

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2026

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3.3../QĐ-NSNT ngày 09/4/2026 của Công ty CP Nước sạch và Vệ sinh nông thôn tỉnh Hải Dương)

1. Đánh giá kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2025

1.1 Thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 như sau

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch	Thực hiện	% đạt KII
1	Sản lượng SX	m ³	18.590.000	19.111.633	102,8
2	Sản lượng TP	m ³	15.590.000	16.015.728	102,7
3	Tỷ lệ thất thoát	%	16,2	16,2	100,0
4	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	140,5	142,009	101,1
4.1	Doanh thu nước sạch	Tỷ đồng	135,3	135,129	99,9
4.2	Doanh thu ngành nghề khác	Tỷ đồng	5,2	6,880	132,3
5	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	10,080	10,529	104,5
6	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	9,422	9,697	102,9
7	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	242.317	242.570	100,1
8	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	3,89%	3,998%	102,7
9	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	5,0	5,490	109,8
10	Phát triển khách hàng mới	Hộ	1.400	2.050	146,4
11	Thanh toán không dùng TM	%	45	89,3	198,4
12	Trả nợ vay	Tỷ đồng	18,214	18,214	100,0
13	Thu nhập bình quân	Triệu đồng/ người/ tháng	8,1	8,2	101,2

Sản lượng nước sản xuất đạt 19.111.633 m³, vượt 2,8% kế hoạch.

Tổng doanh thu đạt 142,009 tỷ đồng, vượt 1,1% kế hoạch.

Lợi nhuận trước thuế đạt 10,529 tỷ đồng, vượt 4,5% kế hoạch.

Lợi nhuận sau thuế đạt 9,697 tỷ đồng vượt 2,9% kế hoạch.

Thu nhập bình quân đạt 8,2 triệu đồng/người/tháng, đảm bảo đời sống người lao động.

Nộp ngân sách thực hiện năm 2025 tăng so với kế hoạch năm 2025 là 490 triệu đồng (đạt 109,8%) là do doanh thu tăng.

1.2. Thực hiện kế hoạch đầu tư sửa chữa năm 2025

- Đối với các công trình danh mục đầu tư theo kế hoạch năm 2025 được phê duyệt đã hoàn thành thi công đưa vào sử dụng 24/26 hạng mục công trình thuộc kế hoạch năm 2025 với tổng giá trị dự toán là 23,484 tỷ đồng; giá trị quyết toán là 15,741 tỷ đồng giảm được 7,743 tỷ đồng, còn 02 công trình chuyển tiếp sang năm 2026 do chờ mặt bằng và hồ sơ.

- Đối với các công trình thuộc hạng mục sửa chữa thường xuyên, nông thôn mới, bổ sung đã thực hiện hoàn thành thi công đưa vào sử dụng 83/89 hạng mục công trình với tổng giá trị dự toán là 15,644 tỷ đồng; giá trị quyết toán là 8,171 tỷ

đồng giảm được 7,473 tỷ đồng, còn lại 6 hạng mục công trình chuyển sang 2026 do chờ mặt bằng và do mới được bổ sung vào cuối năm.

2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026

2.1. Kế hoạch Sản xuất kinh doanh năm 2026

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	TH 2025	KH 2026	Tăng trưởng
1	Sản lượng sản xuất	triệu m ³	19,112	19,555	102,32%
2	Sản lượng thương phẩm	triệu m ³	16,016	16,452	102,72%
3	Tỷ lệ thất thoát	%	16,2	15,9	Giảm
4	Lắp mới khách hàng	hộ	2.050	1.500	73,17%
5	Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	142,009	147,72	104,02%
5.1	DT nước sạch	Tỷ đồng	135,129	138,625	102,59%
5.2	DT ngành nghề khác	Tỷ đồng	6,88	9,095	132,19%
6	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	10,529	11,582	110,00%
7	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	9,697	10,103	104,19%
8	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	242,570	245,156	101,07%
9	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	3,998%	4,121%	Tăng
10	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	5,497	5,5	100,05%
11	Thu nhập BQ/người/tháng	Triệu đồng	8,2	8,4	102,44%

- Sản lượng nước sản xuất dự kiến đạt 19,555 triệu m³, tăng 2,3% so với năm 2025;

- Sản lượng nước thương phẩm dự kiến đạt 16,452 triệu m³, tăng 2,7%. Mức tăng này phù hợp với tốc độ phát triển mạng lưới cấp nước nông thôn và nhu cầu sử dụng nước sạch thực tế trên địa bàn.

- Tỷ lệ thất thoát: Phần đầu giảm tỷ lệ thất thoát từ 16,2% xuống còn 15,9%, tương ứng giảm 0,3%. Mục tiêu này được đặt ra trên cơ sở tiếp tục đẩy mạnh công tác thay thế đồng hồ lưu hỏng, phát hiện và xử lý rò rỉ, quản lý áp lực mạng lưới.

- Lắp mới khách hàng: Kế hoạch lắp mới 1.500 hộ, giảm 26,8% so với năm 2025. Nguyên nhân do số lượng khách hàng đã đến ngưỡng, số hộ lắp mới phát sinh chủ yếu là tách hộ.

- Tổng doanh thu: Dự kiến đạt 147,72 tỷ đồng, tăng 4,02% so với năm 2025. Trong đó: Doanh thu nước sạch đạt 138,625 tỷ đồng, tăng 2,6%, tương ứng với mức tăng sản lượng nước thương phẩm.

- Doanh thu khác đạt 9,095 tỷ đồng, tăng 32,2%, chủ yếu từ doanh thu xây lắp, doanh thu tài chính.

- Lợi nhuận sau thuế: Dự kiến đạt 10,103 tỷ đồng, tăng 4,19% so với năm 2025. Mức tăng lợi nhuận cao hơn mức tăng doanh thu nhờ tiếp tục kiểm soát chi phí sản xuất, tiết kiệm điện năng, hóa chất và tối ưu hóa vận hành.

- Nộp ngân sách: Dự kiến đạt 5,5 tỷ đồng, tương đương năm 2025, phù hợp với mức tăng lợi nhuận trước thuế và các khoản thuế phát sinh.

- Thu nhập bình quân: Duy trì mức 8,4 triệu đồng/người/tháng, tăng 2,4% so với năm 2025, đảm bảo đời sống người lao động được cải thiện gắn với hiệu quả sản xuất kinh doanh.

2.2. Kế hoạch đầu tư năm 2026

Tổng giá trị các hạng mục theo kế hoạch đầu tư sửa chữa, nâng cấp năm 2026 dự kiến là: 40,7 tỷ đồng.

STT	Tên Hạng mục công trình	Giá trị (tỷ đồng)
1	<p>Nâng cấp, cải tạo, thay thế, lắp đặt bổ sung Hệ thống đường ống nước sạch</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nâng cấp, thay thế đường ống và thay thế đồng hồ khách hàng thôn Ngoại Đàm, xã Hà Tây, Thành phố Hải Phòng; - Lắp đặt bổ sung tuyến ống cấp nước cho khu cụm công nghiệp Văn Tổ NM nước sạch An Thanh; - Cải tạo thay thế đường ống dịch vụ thôn Tiêu Xá, Mạc Động, Văn Mạc xã Hà Nam (xã Liên mạc cũ); - Lắp đặt bổ sung tuyến ống cấp nước từ làng Dọc sang thôn Mép, Sụ (Xã Minh Đức cũ); - Lắp đặt bổ sung Tuyến đường ống cấp nước dọc 2 trục bắc nam từ Cầu Cừ An đến ngã tư đèn đỏ Hồng Đức; - Lắp đặt bổ sung thêm tuyến ống cấp nước thôn Nam Cầu 7; - Nâng cấp, thay thế một số tuyến đường ống và thay đồng hồ khách hàng thôn Vạn Tải Đông, Vạn Tải Tây, xã Nam Sách; - Lắp đặt đường ống HDPE D110 cấp nước các doanh nghiệp thôn Vạn Tải, thôn Nam Khê, xã Nam Sách; - Phát triển tuyến ống mới 2 KDC thuộc thôn An Bài phường Lê Đại Hành, TP Hải Phòng; - Nâng cấp, Lắp đặt bổ sung Tuyến ống cấp nước từ NM nước sạch Thái Thịnh cấp nước xã Hiến Thành cũ; - Nâng cấp Tuyến ống nước thô NM Thăng Long 	15
2	<p>Cải tạo sửa chữa máy móc thiết bị, Hệ thống xử lý nước sạch:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nâng cấp cải tạo hệ thống xử lý nước sạch Nhà máy nước sạch Nguyên Giáp; - Xây dựng hệ thống máy ép bùn Nhà máy nước sạch Tân Việt; - Xây dựng sân phơi bùn Nhà máy nước sạch An Thanh. 	6,2
3	Thay thế đồng hồ hết niên hạn	11,8
4	Mua sắm máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	3,5
5	Lắp đặt đồng hồ tổng phân vùng tách mạng tại các Nhà máy	0,7
6	Cải tạo, sửa chữa nhà cửa công trình kiến trúc các Nhà máy Phụng Hoàng, Thanh Lang, Tân Việt, Minh Đức, Quyết Thắng, Quảng Nghiệp.	3,5
	Tổng cộng	40,7

Nguồn vốn: Từ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

3. Các giải pháp thực hiện

3.1. Giải pháp về đầu tư phát triển hạ tầng cấp nước

- rà soát, cập nhật quy hoạch phát triển hệ thống cấp nước phù hợp với quy hoạch phát triển đô thị và nông thôn của thành phố Hải Phòng, làm cơ sở đề xuất các dự án đầu tư mới và nâng cấp hệ thống hiện có.

- Tập trung đầu tư nâng cấp, mở rộng công suất các nhà máy nước hiện hữu; xây dựng mới các công trình cấp nước tại những khu vực còn thiếu hoặc chưa đạt tiêu chuẩn cấp nước sạch.

- Đầu tư đồng bộ hệ thống khai thác, xử lý, truyền tải và phân phối nước sạch; từng bước nâng cấp mạng lưới đường ống, thay thế các tuyến ống đã xuống cấp và các đồng hồ nước hết niên hạn.

- Tăng cường kết nối mạng lưới cấp nước liên vùng, bảo đảm khả năng điều tiết và bổ sung nguồn nước giữa các khu vực, góp phần nâng cao tính an toàn và ổn định của hệ thống cấp nước.

3.2. Giải pháp về ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số

- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý và vận hành hệ thống cấp nước theo hướng hiện đại, tiết kiệm năng lượng và nâng cao hiệu quả sản xuất.

- Triển khai hệ thống quản lý dữ liệu tập trung, tích hợp các nền tảng công nghệ như SCADA, GIS, CRM nhằm giám sát, điều hành hoạt động sản xuất và quản lý mạng lưới cấp nước theo thời gian thực.

- Từng bước số hóa toàn bộ hồ sơ, hợp đồng khách hàng và các quy trình quản lý nội bộ; ứng dụng các phần mềm quản trị tài chính, nhân sự và vật tư đồng bộ trong toàn Công ty.

- Mở rộng các dịch vụ số đối với khách hàng như thanh toán không dùng tiền mặt, chăm sóc khách hàng trực tuyến và tiếp nhận phản ánh sự cố qua các nền tảng số.

3.3. Giải pháp về tài chính và huy động nguồn lực đầu tư

- Tăng cường quản trị tài chính, kiểm soát chặt chẽ chi phí sản xuất kinh doanh, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và bảo đảm cân đối nguồn lực cho các dự án đầu tư phát triển.

- Chủ động xây dựng các phương án huy động vốn từ nhiều nguồn như vốn tự có, vốn vay tín dụng, phát hành cổ phiếu và hợp tác đầu tư nhằm đáp ứng nhu cầu vốn cho các dự án hạ tầng cấp nước.

- Đồng thời, kiến nghị các cơ quan quản lý nhà nước tiếp tục hoàn thiện cơ chế chính sách về giá nước theo nguyên tắc tính đúng, tính đủ chi phí, phù hợp với đặc thù cấp nước nông thôn, tạo điều kiện cho doanh nghiệp tái đầu tư phát triển hệ thống cấp nước.

3.4. Giải pháp về quản lý tài nguyên nước và bảo vệ môi trường

- Tăng cường các biện pháp kiểm soát, bảo vệ nguồn nước thô; chủ động phối hợp với các cơ quan chức năng trong công tác giám sát và xử lý các nguồn gây ô nhiễm môi trường nước.

- Đầu tư các giải pháp kỹ thuật nhằm nâng cao hiệu quả xử lý nước, kiểm soát chặt chẽ chất lượng nước đầu vào và đầu ra theo quy chuẩn của Bộ Y tế.

- Triển khai các chương trình giảm thất thoát nước thông qua phân vùng quản lý mạng lưới, ứng dụng công nghệ dò tìm rò rỉ và nâng cấp hệ thống đường ống.

- Chủ động xây dựng các phương án ứng phó với biến đổi khí hậu, hạn hán và các rủi ro ảnh hưởng đến nguồn nước, bảo đảm an ninh cấp nước trong dài hạn.

3.5. Giải pháp về tổ chức quản trị, nguồn nhân lực và phối hợp địa phương

- Tiếp tục đổi mới mô hình quản trị doanh nghiệp theo hướng minh bạch, hiệu quả, áp dụng hệ thống đánh giá hiệu quả công việc theo KPI đối với các phòng ban và đơn vị trực thuộc.

- Đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng quản lý và khả năng làm chủ công nghệ mới cho đội ngũ cán bộ, công nhân viên.

- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp với các giá trị cốt lõi “Trách nhiệm - Chuyên nghiệp - Tận tâm”, tạo động lực phát triển bền vững cho tổ chức.

- Tăng cường phối hợp với các sở, ngành và chính quyền địa phương trong công tác quy hoạch, giải phóng mặt bằng, phát triển khách hàng và bảo vệ hệ thống công trình cấp nước.

- Đẩy mạnh công tác truyền thông cộng đồng, nâng cao nhận thức của người dân về sử dụng nước sạch, tiết kiệm nước và bảo vệ nguồn nước; tham gia tích cực các chương trình an sinh xã hội tại địa phương, thể hiện trách nhiệm của doanh nghiệp với cộng đồng.
